

Số: 1395/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 29 tháng 4 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt báo cáo quyết toán diện tích sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 80/TTr-SNNMT ngày 31 tháng 3 năm 2025 về việc ban hành Quyết định phê duyệt báo cáo quyết toán diện tích sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt báo cáo quyết toán diện tích sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi, cụ thể: Tổng số 21 công trình với tổng diện tích phục vụ năm 2024 là 34.148,58 ha (trong đó: Diện tích tưới là 22.577,83 ha; diện tích tiêu là 5.709,59 ha; diện tích ngăn mặn là 5.861,16 ha), gồm: Vụ Đông Xuân 17.425 ha (diện tích tưới 11.563,84 ha, diện tích ngăn mặn 5.861,16 ha); vụ Hè Thu 7.110,42 ha; vụ Mùa 9.613,16 ha (diện tích tưới 3.903,57 ha, diện tích tiêu 5.709,59 ha).

*(Chi tiết đính kèm Phụ lục)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT. UBND tỉnh (Đ/c Hoàng);
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh (KTN);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

*(Khoa/Qddtichttieu/17.4)*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thị Hoàng**



**BẢNG TỔNG HỢP DIỆN TÍCH SỬ DỤNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỦY LỢI NĂM 2024**  
(Kèm theo Quyết định số 1395/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Phụ lục

| STT | Tên công trình                | Tổng diện tích (ha) | Vụ Đông Xuân |                                                            |                                                          |          |           | Vụ Hè Thu |                                                            |                                                      |          |          | Vụ Mùa   |                                                            |                                                      |          |          |
|-----|-------------------------------|---------------------|--------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|----------|-----------|-----------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------|----------|----------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------|----------|
|     |                               |                     | Lúa          | Mà, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày, kể cả cây vụ đông | Cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, cây hoa, được liệu | Thủy sản | Tổng      | Lúa       | Mà, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày, kể cả cây vụ đông | Cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, được liệu | Thủy sản | Tổng     | Lúa      | Mà, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày, kể cả cây vụ đông | Cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, được liệu | Thủy sản | Tổng     |
| I   | DIỆN TÍCH TƯỚI                | 22.577,83           | 6.771,79     | 2.852,21                                                   | 1.308,50                                                 | 631,34   | 11.563,84 | 4.465,20  | 2.084,86                                                   | 199,87                                               | 360,49   | 7.110,42 | 3.113,81 | 301,26                                                     | 211,28                                               | 277,22   | 3.903,57 |
| 1   | Đập Suối Cà + hồ Cầu Mới      | 1.577,37            | 229,00       | 493,00                                                     |                                                          |          | 722,00    | 161,75    | 490,25                                                     |                                                      |          | 652,00   | 183,37   | 20,00                                                      |                                                      |          | 203,37   |
| 2   | Đập Long An                   | 464,47              | 334,69       | 49,78                                                      |                                                          |          | 384,47    | 80,00     |                                                            |                                                      |          | 80,00    |          |                                                            |                                                      |          | -        |
| 3   | Hệ thống thủy lợi Ông Kèo     | 4.692,00            | 280,00       | 1.326,00                                                   | 171,77                                                   | 257,32   | 1.634,00  | 451,00    | 1.326,00                                                   | 170,19                                               | 254,32   | 1.805,00 | 1.253,00 | 13,00                                                      | 169,63                                               | 254,32   | 1.253,00 |
| 4   | Hồ Sông Máy                   | 2.346,38            | 348,21       | 10,00                                                      |                                                          |          | 787,30    | 342,31    | 13,00                                                      |                                                      |          | 779,82   | 342,31   |                                                            |                                                      |          | 779,26   |
| 5   | Hồ Bà Long                    | 140,00              | 50,00        |                                                            |                                                          |          | 50,00     | 45,00     |                                                            |                                                      |          | 45,00    | 45,00    |                                                            |                                                      |          | 45,00    |
| 6   | Đập Lang Minh                 | 907,00              |              | 292,58                                                     |                                                          |          | 292,58    | 307,21    |                                                            |                                                      |          | 307,21   | 307,21   |                                                            |                                                      |          | 307,21   |
| 7   | Hồ Gia Li + trạm bơm Xuân Tâm | 943,41              | 147,69       | 32,76                                                      | 379,15                                                   | 48,22    | 607,82    | 111,81    | 0,73                                                       | 27,61                                                |          | 140,15   | 103,99   | 36,17                                                      | 39,58                                                | 15,70    | 195,44   |
| 8   | Đập Suối Nước Trong           | 423,67              | 13,02        | 121,99                                                     | 17,91                                                    | 0,65     | 153,57    | 8,21      | 125,77                                                     | 2,07                                                 |          | 136,05   | 8,21     | 125,77                                                     | 2,07                                                 |          | 136,05   |
| 9   | Đập Cù Nhì 1+2                | 1.279,41            | 243,16       | 183,31                                                     |                                                          |          | 426,47    | 426,47    |                                                            |                                                      |          | 426,47   | 426,47   |                                                            |                                                      |          | 426,47   |
| 10  | Hồ Suối Vong                  | 300,00              |              |                                                            | 300,00                                                   |          | 300,00    |           |                                                            |                                                      |          | -        |          |                                                            |                                                      |          | -        |
| 11  | Hồ Gia Măng                   | 666,98              | 74,07        | 122,63                                                     | 84,54                                                    |          | 281,24    | 191,85    | 1,02                                                       |                                                      |          | 192,87   | 191,85   | 1,02                                                       |                                                      |          | 192,87   |
| 12  | Hồ Cầu Dầu                    | 355,13              |              |                                                            | 355,13                                                   |          | 355,13    |           |                                                            |                                                      |          |          |          |                                                            |                                                      |          |          |
| 13  | Hồ Đa Tôn                     | 2.940,06            | 1.995,67     | 55,91                                                      |                                                          | 30,76    | 2.082,34  | 826,84    | 22,79                                                      |                                                      | 8,09     | 857,72   |          |                                                            |                                                      |          | -        |
| 14  | Đập Năm Sao                   | 630,99              | 420,66       |                                                            |                                                          |          | 420,66    | 210,33    |                                                            |                                                      |          | 210,33   |          |                                                            |                                                      |          | -        |
| 15  | Đập Đồng Hiệp                 | 3.696,26            | 2.383,22     |                                                            |                                                          | 239,14   | 2.642,36  | 991,07    |                                                            |                                                      | 62,83    | 1.053,90 |          |                                                            |                                                      |          | -        |
| 16  | Trạm bơm Tả Lại               | 1.212,70            | 252,40       | 164,25                                                     |                                                          | 7,25     | 423,90    | 311,35    | 105,30                                                     |                                                      | 7,25     | 423,90   | 252,40   | 105,30                                                     |                                                      | 7,20     | 364,90   |
| II  | DIỆN TÍCH TIỂU                | 5.709,59            |              |                                                            |                                                          |          |           |           |                                                            |                                                      |          |          |          |                                                            |                                                      |          |          |
| 1   | Hồ Lộc An                     | 317,00              |              |                                                            |                                                          |          |           |           |                                                            |                                                      |          |          |          |                                                            |                                                      |          |          |
| 2   | Suối Đa Tôn                   | 2.227,61            |              |                                                            |                                                          |          |           |           |                                                            |                                                      |          |          |          |                                                            |                                                      |          |          |
| 3   | Bến Xúc                       | 2.566,12            |              |                                                            |                                                          |          |           |           |                                                            |                                                      |          |          |          |                                                            |                                                      |          |          |
| 4   | Đập Đồng Hiệp                 | 598,86              |              |                                                            |                                                          |          |           |           |                                                            |                                                      |          |          |          |                                                            |                                                      |          |          |
| III | DIỆN TÍCH NGĂN MẶN            | 5.861,16            |              |                                                            |                                                          |          |           |           |                                                            |                                                      |          |          |          |                                                            |                                                      |          |          |
| 1   | Hiệp Phước - Long Thọ         | 585,20              |              |                                                            |                                                          |          |           |           |                                                            |                                                      |          |          |          |                                                            |                                                      |          |          |
| 2   | Hệ thống thủy lợi Ông Kèo     | 5.275,96            |              |                                                            |                                                          |          |           |           |                                                            |                                                      |          |          |          |                                                            |                                                      |          |          |
|     | Tổng cộng                     | 34.148,58           | 6.771,79     | 2.852,21                                                   | 1.308,50                                                 | 631,34   | 11.563,84 | 4.465,20  | 2.084,86                                                   | 199,87                                               | 360,49   | 7.110,42 | 3.113,81 | 301,26                                                     | 211,28                                               | 277,22   | 3.903,57 |